

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 508/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-12-2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thi;

Ông Lê Văn Phú

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 365/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 590/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 621/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1987

- *Bị đơn:* ông Trịnh Văn S, sinh năm 1989

Cùng cư trú: tổ 24, ấp PL, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang

(Bà Đ có đơn xin vắng mặt, ông S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông S là do tự tìm hiểu, yêu thương nhau được hai

bên gia đình đồng ý, tổ chức lễ cưới vào năm 2009. Sau khi kết hôn ông bà sống tại ấp PL một thời gian nhưng do kinh tế khó khăn nên đi Bình Dương làm công nhân và mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đó. Nguyên nhân là do ông S không làm lo làm ăn, lao vào cờ bạc, bà Đ còn phát hiện ông có tình cảm với người phụ nữ khác. Nhiều lần khuyên ngăn không được nên bà ly thân với ông từ năm 2017 đến nay. Gia đình hai bên đã hàn gắn nhưng bà nhận thấy không thể quay về chung sống được nữa nên quyết định ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Vũ K, sinh ngày 07/9/2010 và Trịnh Ngọc Th, sinh ngày 16/8/2014, hiện do bà Đ và gia đình chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông Trịnh Văn S theo quy định nhưng ông S không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà Đ – ông S để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Tại biên bản xác minh ngày 12/11/2020 được bà Nguyễn Thị V mẹ ruột của bà Đ cho biết: Bà Đ – ông S đi làm nên quen biết, yêu thương nhau hai bên gia đình đồng ý nên tổ chức lễ cưới vào năm 2009. Sau khi kết hôn thì đi Bình Dương làm công nhân do cuộc sống ở quê quá khó khăn. Nguyên nhân chính dẫn đến việc bà Đ xin ly hôn là do ông S phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác, bà Đ khuyên ngăn không được nên quyết định ly hôn.

Tại phiên tòa, bà Đ vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Riêng ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Văn S. Đồng thời, ông S hiện cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Do vậy, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Tại phiên tòa, bà Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông S vắng mặt không có lý do mặc dù đã triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông bà.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông S xác lập trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã T ngày 13/5/2009 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2.1] Xét yêu cầu của bà Đ xin ly hôn với ông S thì thấy: Cả hai đã không chung sống với nhau từ đầu năm 2017 đến nay, bà Đ cho biết nhiều lần hai vợ chồng xảy ra tranh cãi được hai bên gia đình hàn gắn nhưng ông bà vẫn không thể tiếp tục đời sống hôn nhân do ông S không đồng ý chung sống lại. Quá trình giải quyết vụ án, ông S đã được triệu tập để tham gia các phiên hoà giải nhưng vắng mặt, điều này cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ cho thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, các bên đã không thực hiện tròn vẹn nghĩa vụ vợ chồng với nhau nên yêu cầu ly hôn của bà S là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà Đ trình bày có Trịnh Vũ K, sinh ngày 07/9/2010 và Trịnh Ngọc Th, sinh ngày 16/8/2014, hiện con chung do bà Đ và gia đình nuôi dạy.

Xét yêu cầu về con chung sau khi ly hôn của bà Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi ly thân đến nay cháu K và cháu Th được bà Đ và gia đình chăm sóc, tình cảm mẹ con gắn bó, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu sau này. Cháu K có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà Đ, cháu Th là con gái đang tuổi phát triển cần sự chăm sóc và dạy bảo từ mẹ. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu K và cháu Th cho bà Đ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên do bà Đ không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà.

Bà Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Đ

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Trịnh Văn S.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67 ngày 13/05/2009 của Ủy ban nhân dân xã C, thị xã T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Đ được tiếp tục nuôi cháu Trịnh Vũ K, sinh ngày 07/9/2010 và Trịnh Ngọc Th, sinh ngày 16/8/2014, công nhận tự nguyện của bà Đ không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004810 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà Đ nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã Châu Phong, Tx.TC, AG;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo